

Số: /GCN-SXD(GĐCL)

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM  
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

*Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 32/2023/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng thành phố Hà Nội;*

*Căn cứ Quyết định số 2302/QĐ-UBND ngày 02/5/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt điều chỉnh quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng Hà Nội trên địa bàn Thành phố Hà Nội;*

Xét hồ sơ đề nghị của Công ty cổ phần thương mại và xây dựng Phong Sơn; Biên bản đánh giá phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 05/11/2024, ngày 23/12/2024 giữa các thành viên đoàn đánh giá Sở Xây dựng và tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và văn bản số 56/XDPS ngày 17/12/2024 của Công ty cổ phần thương mại và xây dựng Phong Sơn về việc khắc phục nội dung tồn tại của biên bản đánh giá phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

**CHỨNG NHẬN:**

**1. Công ty cổ phần thương mại và xây dựng Phong Sơn.**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép đầu tư) số 0106059532 ngày 04 tháng 01 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ: 4, ngày 23 tháng 9 năm 2021 cơ quan cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Số nhà 15, Khu Nam Trường Yên, thôn Xuân Sơn, xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Số điện thoại: 0243.886.566

Tên phòng thí nghiệm: **Trung tâm thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình**

Địa chỉ phòng thí nghiệm: số 143 đường Quốc lộ 3 – Bình An, thôn Phố Nỹ, xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 24.122**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Công ty cổ phần thương mại và xây dựng Phong Sơn;
- Bộ Xây dựng; (đề b/c)
- Đ/c Giám đốc Sở XD;
- Đ/c Nguyễn Thế Công - PGĐ SXD;
- Viện KH-CN&KT-XD HN;
- Lưu: VT, GDCL(HNDuy, 05b).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thế Công**

**DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM  
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 24.122**

*(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng  
số /GCN-SXD(GĐCL) ngày tháng năm 2024)*

<b>TT</b>	<b>Tên phép thử</b>	<b>Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)</b>
<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG</b>		
1	Độ mịn, khối lượng riêng	TCVN 13605:2023
2	Xác định độ bền uốn, nén	TCVN 6016:2011
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015 TCVN 8875:2012
<b>HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG</b>		
4	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022
5	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108 :1993
6	Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:1993
7	Xác định độ cứng VEBE của hỗn hợp bê tông	TCVN 3107:2022
8	Xác định hàm lượng bọt khí của hỗn hợp bê tông	TCVN 3111:2022
9	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022
10	Xác định khối lượng thể tích bê tông	TCVN 3115:2022
11	Xác định độ chống thấm nước của bê tông	TCVN 3116:2022
12	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118:2022
13	Xác định cường độ chịu kéo khi uốn của bê tông	TCVN 3119:2022
14	Xác định cường độ chịu kéo khi bẻ của bê tông	TCVN 3120 :2022
<b>THỬ CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA</b>		
15	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006
16	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của cốt liệu	TCVN 7572-4:2006
17	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá góc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
18	Xác định khối lượng thể tích xốp, độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006
19	Xác định độ ẩm, độ hút ẩm	TCVN 7572-7:2006
20	Đá xây dựng - Phương pháp xác định độ ẩm, độ hút nước trong phòng thí nghiệm	TCVN 10321:2014
21	Xác định hàm lượng bụi, bùn sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006
22	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
23	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá góc	TCVN 7572-10:2006
24	Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
25	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los-Angeles	TCVN 7572-12:2006
26	Xác định hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
27	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006
28	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006
29	Xác định hàm lượng hạt có kích thước $\leq 0.075$ (cát nghiền)	TCVN 9205 : 2012
30	Xác định hệ số ES	AASHTO T176
31	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006
<b>THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG</b>		
32	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022
33	Xác định khối lượng thể tích của mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10:2022
34	Xác định cường độ uốn và cường độ nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022
35	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-03:2022

36	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121- 08:2022
37	Xác định độ hút nước của vữa đóng rắn	TCVN 3121-18:2022
<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ KIM LOẠI</b>		
38	Đo chiều dày lớp phủ	TCVN 5878: 2007
39	Đo chiều dày lớp mạ	TCVN 5877:1995
40	Kiểm tra không phá huỷ - PP thăm thấu	TCVN 4617-2:2018
41	Thử nghiệm bu lông, đai ốc, vít: Xác định khuyết tật ngoại quan, kích thước hình học	TCVN 1916:1995; TCVN 4795:1989; TCVN 4796:1989
<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, CÁT ĐẮP, CẤP PHỐI ĐÁ DẼM, SỎI, VẬT LIỆU DẠNG HẠT</b>		
42	Xác định khối lượng riêng	TCVN 4195:2012
43	Xác định độ ẩm, độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
44	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012
45	Xác định thành phần hạt	TCVN 4198:2014 AASHTO T27
46	Xác định sức chống cắt của đất trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995
47	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012
48	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012
49	Đất, đá dăm dùng trong công trình giao thông - Đầm nén Proctor	TCVN 12790:2020
50	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4202:2012
51	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR)	TCVN 12792:2020
52	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012
53	Xác định hàm lượng hữu cơ	TCVN 8726:2012
<b>NHỰA BITUM, NHỰA ĐƯỜNG LỎNG, NHỰA TƯƠNG AXÍT, NHỰA POLYMER</b>		
54	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005
55	Phương pháp xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hồ Cleveland	TCVN 7498:2005
56	Thử nghiệm xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 8818-2:2011
57	Xác định lượng tổn thất khối lượng sau khi gia nhiệt	TCVN 7499:2005
58	Thử nghiệm xác định ảnh hưởng của nhiệt và không khí bằng phương pháp sấy màng mỏng xoay	TCVN 11710:2017
59	Thử nghiệm xác định ảnh hưởng của nhiệt và không khí bằng phương pháp sấy màng mỏng	TCVN 11711:2017
60	Phương pháp xác định độ hòa tan trong Trichloroethylene và N-propyl Bromide	TCVN 7500:2023
61	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:2005
62	Xác định độ nhớt động	TCVN 7502:2005
63	Xác định độ nhớt tuyệt đối (sử dụng nhớt kế mao dẫn chân không)	TCVN 8818-5:2011
64	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:2005
65	Xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-3:2011
66	Xác định độ đàn hồi	TCVN 11194 : 2017
<b>BÊ TÔNG NHỰA</b>		
67	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011
68	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm	TCVN 8860-2:2011
69	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
70	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011

71	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:2011
72	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
73	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
74	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860 8:2011 TCVN12914:2020
75	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
76	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
77	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
78	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
<b>BỘT KHOÁNG CHO BÊ TÔNG NHỰA</b>		
79	Bột khoáng cho bê tông nhựa: Xác định thành phần hạt, độ ẩm, hệ số thích nước	TCVN 12884-2:2020
<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY</b>		
80	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009
81	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:2009
82	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009
83	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
84	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009
85	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009
86	Thử nghiệm cơ lý gạch bê tông tự chèn : Thí nghiệm kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ hút nước, độ mài mòn	TCVN 6476:1999
87	Thử nghiệm cơ lý gạch bê tông : Thí nghiệm kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ rỗng; độ hút nước, độ thấm nước	TCVN 6477:2016
88	Thử nghiệm gạch Terrazzo : Kích thước và khuyết tật, độ bền uốn, độ hút nước, độ mài mòn.	TCVN 7744: 2013
89	Thử nghiệm gạch xi măng lát nền : Kiểm tra ngoại quan; Xác định tải trọng uốn gãy toàn viên, độ cứng bề mặt, độ mài mòn	TCVN 6065:1995
<b>THỬ NGHIỆM GẠCH, ĐÁ ỐP LÁT</b>		
90	Kiểm tra kích thước, hình dạng và chất lượng bề mặt	TCVN 6415-2:2016
91	Xác định độ hút nước	TCVN 6415-3:2016
92	Xác định độ bền uốn	TCVN 6415-4:2016
93	Xác định độ bền mài mòn sâu đối với gạch không phủ men	TCVN 6415-6:2016
94	Xác định độ bền mài mòn bề mặt đối với gạch phủ men	TCVN 6415-7:2016
<b>PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC CHO XÂY DỰNG</b>		
95	Xác định hàm lượng cặn	TCVN 4560:1988
96	Xác định váng dầu mỡ và màu nước được tiến hành bằng quan sát mắt thường	TCVN 4506:2012
97	Chất lượng nước. Xác định chỉ số Pemanganat	TCVN6186:1996
98	ĐỘ PH	TCVN 6492:2011
<b>VẢI ĐỊA KỸ THUẬT</b>		
99	Xác định lực kéo giật và độ giãn dài kéo giật	TCVN 8871-1:2011
100	Cường độ xé rách hình thang	TCVN 8871-2:2011
101	Sức kháng xuyên thủng (CBR)	TCVN 8871-3:2011
102	Sức kháng xuyên thủng thanh	TCVN 8871-4:2011
103	Xác định kích thước lỗ biểu kiến bằng phép thử sàng khô	TCVN 8871-6:2011
104	Xác định kích thước lỗ lọc bằng phép thử sàng ướt	TCVN 8486:2010
105	Phương pháp xác định cường độ chịu kéo và độ giãn dài	TCVN 8485:2010

106	Phương pháp xác định khối lượng trên đơn vị diện tích	TCVN 8221:2009
<b>THỬ NGHIỆM DÂY, CÁP ĐIỆN DẪN DỤNG</b>		
107	Đo chiều dày cách điện, Đo chiều dày vỏ bọc, Đo các kích thước ngoài, Thử nghiệm điện trở cách điện, Thử nghiệm kéo giât	TCVN 6610-2:2007
108	Đo điện trở ruột dẫn	TCVN 6612:2007
109	Đo chiều dày và kích thước ngoài-Thử nghiệm xác định đặc tính cơ	TCVN 6614-1-1:2008
<b>THỬ NGHIỆM ỐNG NHỰA, ỐNG HDPE VÀ PHỤ KIỆN ỐNG NHỰA</b>		
110	Đặc tính hình học, kích thước	TCVN 6145:2007
111	Xác định độ bền va đập	TCVN 6144:2003
112	Xác định độ bền kéo đứt	TCVN 7434-2:2004
<b>THỬ NGHIỆM KÍNH XÂY DỰNG</b>		
113	Xác định sai lệch kích thước, độ cong vênh	TCVN 7219:2018 TCVN 9808:2013 TCVN 7527:2005 TCVN 7528:2005
114	Độ bền va đập bi rơi, con lắc, phá vỡ mẫu	TCVN 7368:2013 TCVN 7455:2013
<b>THÍ NGHIỆM SƠN</b>		
115	Sơn và vecni - Phương pháp so sánh trực quan màu sắc	TCVN 2102:2020
116	Xác định độ mịn	TCVN 2091:2015
117	Xác định thời gian chảy bằng phễu chảy	TCVN 2092:2013
118	Xác định trạng thái sơn trong thùng chứa, đặc tính thi công, độ ổn định ở nhiệt độ thấp và ngoại quan màng sơn	TCVN 8653-1:2024
119	Xác định độ bền nước của màng sơn	TCVN 8653-2:2024
120	Xác định độ bền kiềm của màng sơn	TCVN 8653-3:2024
121	Xác định độ bền rửa trôi của màng sơn	TCVN 8653-4:2024
122	Xác định độ bền chu kỳ nóng lạnh của màng sơn	TCVN 8653-5:2024
123	Xác định độ phủ	TCVN 2095:1993
124	Xác định thời gian khô và độ khô	TCVN 2096-1:2015
125	Xác định độ bền lớp phủ	TCVN 2097:2015
126	Xác định độ cứng của màng sơn Phép thử dao động tắt dần của con lắc	TCVN 2098:2007
127	Sơn tín hiệu giao thông, sơn vạch đường hệ nước: Xác định độ mịn, độ bền rửa trôi, độ chịu dầu, độ chịu muối, chịu kiềm	TCVN 8786:2011
128	Sơn tín hiệu giao thông - Sơn vạch đường hệ dung môi: Xác định độ mịn, độ bền va đập, độ chịu dầu, độ chịu muối, chịu kiềm	TCVN 8787:2011
129	Sơn tín hiệu giao thông - Vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo: Xác định độ phát sáng, Xác định độ bền nhiệt của sơn vạch đường nhiệt dẻo, Xác định độ kháng cháy, Xác định khối lượng riêng, Xác định chiều dày màng sơn	TCVN 8791:2011
130	Cống hộp bê tông cốt thép: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan, khả năng chống thấm nước, khả năng chịu tải	TCVN 9116:2012
131	Ống công bê tông cốt thép thoát nước: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan, khả năng chống thấm nước, khả năng chịu tải	TCVN 9113:2012 ASTM C497
<b>THÍ NGHIỆM BENTONITE</b>		
132	Bentonite: Xác định khối lượng riêng, độ nhớt, hàm lượng cát, độ pH, tỷ lệ keo	TCVN 11893:2017
<b>THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG</b>		

133	Xác định độ chặt của đất tại hiện trường bằng phương pháp dao dai	TCVN 12791:2020
134	Xác định độ chặt nền móng đường bằng phễu rót cát	22TCN 346:2006 AASHTO T191
135	Phương pháp xác định khối lượng thể tích của đất tại hiện trường	TCVN 8729:2012
136	Xác định môđun đàn hồi nền đường bằng PP sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
137	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011
138	Xác định độ bằng phẳng bằng thước dài 3m	TCVN 8864:2011
139	Xác định môđun biến dạng của đất tại hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:2012
140	Thử nghiệm hệ thống nối đất, chống sét	TCVN 9385: 2012
141	Xác định môđun đàn hồi chung của áo đường bằng cân đo vòng Ben kelman	TCVN 8867:2011
142	Xác định cường độ nén của bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012
143	Hố thu nước mưa và hố ngăn mùi: kích thước, khả năng chịu tải, yêu cầu ngoại quan, chống thấm nước	TCVN 10333-1:2014
144	Giếng thăm hình hộp: kích thước, khả năng chịu tải, yêu cầu ngoại quan, chống thấm nước	TCVN 10333-2: 2014
145	Nấp và song chắn rác: kích thước, khả năng chịu tải, yêu cầu ngoại quan, chống thấm nước	TCVN 10333-3: 2014
<b>THỬ NGHIỆM PHỤ GIA CHO BÊ TÔNG</b>		
146	Phụ gia hóa học cho bê tông: Xác định độ pH, tỷ trọng, hàm lượng chất khô, khả năng giảm nước, thời gian đông kết, cường độ nén, uốn	TCVN 8826:2011

**Ghi chú (\*):** Các chỉ tiêu kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.